

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	07 - 09
4. Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12
7. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 26



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có quyết định điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp:

Quyết định số	Ngày cấp	Nội dung điều chỉnh
50/UBCK-GP	12/08/2009	Tăng vốn điều lệ
168/QĐ-UNCK	15/03/2010	Lập văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh
724/QĐ-UBCK	03/10/2011	Thay đổi, bổ sung về địa chỉ văn phòng đại diện của Công ty
16/GPĐC-UBCK	03/10/2011	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật
37/GPĐC-UBCK	19/12/2013	Thay đổi người đại diện theo pháp luật
02/GPĐC-UBCK	13/01/2014	Tăng vốn điều lệ
15/GPĐC-UBCK	23/10/2014	Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh “Tư vấn đầu tư chứng khoán”
858/QĐ-UBCK	15/08/2016	Chấp nhận giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu chiếm 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty
879/QĐ-UBCK	22/08/2016	Thay đổi về người đại diện và địa chỉ văn phòng đại diện của Công ty
51/GPĐC-UBCK	17/08/2020	Tăng vốn điều lệ
66/GPĐC-UBCK	01/10/2020	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
468/QĐ-UBCK	21/07/2021	Thay đổi địa chỉ văn phòng đại diện
44/GCN-UBCK	19/11/2021	Cấp Giấy phép thành lập Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Ballad Việt Nam

Vốn điều lệ: : 70.000.000.000 (bảy mươi tỷ) đồng.

Vốn pháp định : 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng.

2. Trụ sở hoạt động

2.1. Trụ sở chính

Địa chỉ : Tầng 02, Tòa nhà The Terra, số 83 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Mã số thuế : 0103000763

Điện thoại : +84 (4) 3724 5785

Fax : +84 (4) 3724 5787

2.2. Văn phòng đại diện

Địa chỉ : Tầng trệt, Tòa nhà May Plaza, số 63D Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề hoạt động

- Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

4.1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Cao Hữu Trí	Chủ tịch	22/04/2021	
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	22/04/2021	
Ông Lê Chí Phúc	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	22/04/2021	

4.2. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Chí Phúc	Tổng Giám đốc	06/09/2013	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Chí Phúc – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 26.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

9. Trách nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ Việt Nam hiện hành.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được quy định tại Thông tư 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022.

Tổng Giám đốc

LÊ CHỊ PHÚC





Số: 2025/22/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI (sau đây được gọi tắt là “Công ty”), được lập tại ngày 22 tháng 02 năm 2022, từ trang 07 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư SGI tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 1512-2018-071-1

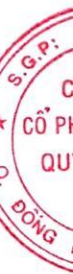
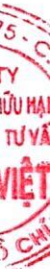
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 2817-2020-071-1



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà The Terra, số 83 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		81.323.238.790	45.270.443.436
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	1.786.806.330	957.664.802
111	1. Tiền		1.786.806.330	957.664.802
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.2	73.521.973.370	44.274.849.951
121	1. Đầu tư ngắn hạn		74.444.681.303	44.274.849.951
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(922.707.933)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.896.047.435	-
131	1. Phải thu của khách hàng		-	-
132	2. Trả trước cho người bán		-	-
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.3	5.896.047.435	-
135	4. Các khoản phải thu khác		-	-
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		118.411.655	37.928.683
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.4	110.813.880	32.281.375
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5.5	7.597.775	5.647.308
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		643.979.249	282.789.479
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.6	-	-
222	- Nguyên giá		-	121.926.996
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(121.926.996)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		643.979.249	282.789.479
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.7	439.217.687	95.727.917
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	5.8	204.761.562	187.061.562
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		81.967.218.039	45.553.232.915

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà The Terra, số 83 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		7.139.470.976	1.383.375.719
310	I. Nợ ngắn hạn		5.950.431.675	346.392.479
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán	5.9	46.500.000	62.050.000
313	3. Người mua trả tiền trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.10	5.520.351.675	276.082.479
315	5. Phải trả người lao động		-	-
316	6. Chi phí phải trả		-	-
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		383.580.000	8.260.000
330	II. Nợ dài hạn		1.189.039.301	1.036.983.240
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.189.039.301	1.036.983.240
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		74.827.747.063	44.169.857.196
410	I. Vốn chủ sở hữu		74.827.747.063	44.169.857.196
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.11	70.000.000.000	70.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		500.000.000	-
419	3. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.000.000.000	-
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.327.747.063	(25.830.142.804)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		81.967.218.039	45.553.232.915



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
3.	Tài sản nhận ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
	USD		1.000	1.000
	EUR		285	285
6.	Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ		19.897.000.000	10.459.630.000
	Trong đó:			
	Chứng khoán giao dịch		19.897.000.000	10.459.630.000
7.	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		43.141.333.793	5.771.821.789
7.1	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.12	43.141.333.793	5.771.821.789
7.2	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	-
9.	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		628.068.982.716	65.300.816.835
9.1	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.13	628.068.982.716	65.300.816.835
9.2	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài			
10.	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		66.378.000.000	-
11.	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		5.750.656.817	-

Tp. Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CAO THỊ KIM NHẬN

CAO THỊ KIM NHẬN

LÊ CHÍ PHÚC



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu	6.1	24.439.693.917	1.223.972.520
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)		24.439.693.917	1.223.972.520
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)		24.439.693.917	1.223.972.520
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.2	32.955.372.818	15.034.348.923
22	7. Chi phí tài chính	6.3	3.464.924.749	2.855.868.776
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.4	18.037.307.446	8.214.183.145
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)		35.892.834.540	5.188.269.522
31	10. Thu nhập khác		2.300.000	1.500.000
32	11. Chi phí khác		980.561	-
40	12. Lợi nhuận khác (40=31-32)		1.319.439	1.500.000
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		35.894.153.979	5.189.769.522
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.5	5.236.264.112	-
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		30.657.889.867	5.189.769.522
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.6	4.380	805
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.7	4.380	805

Tp. Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


CAO THỊ KIM NHẬN


CAO THỊ KIM NHẬN


LÊ CHÍ PHÚC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		298.266.182.790	128.096.334.020
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa dịch vụ		(298.858.013.257)	(141.561.108.549)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(12.048.500.868)	(5.439.996.719)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17.822.729.087	9.276.874.606
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.671.150.940)	(1.298.319.199)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		511.246.812	(10.926.215.841)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.300.000	1.500.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		315.594.716	1.231.512.265
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		317.894.716	1.233.012.265
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	10.000.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	10.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)		829.141.528	306.796.424
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5.1	957.664.802	650.336.969
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	531.409
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	5.1	1.786.806.330	957.664.802

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022.

CAO THỊ KIM NHẬN

CAO THỊ KIM NHẬN



LÊ CHÍ PHÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà The Terra, số 83 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm trước		Năm nay			
		Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 01/01/2021	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tại 31/12/2020	Tại 31/12/2021
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	70.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	70.000.000.000	70.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	500.000.000	-	-	500.000.000
3. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(31.019.912.326)	(25.830.142.804)	5.189.769.522	-	30.657.889.867	(1.500.000.000)	(25.830.142.804)	3.327.747.063
Cộng		28.980.087.674	44.169.857.196	15.189.769.522	-	32.157.889.867	(1.500.000.000)	44.169.857.196	74.827.747.063

Người lập biểu


CAO THỊ KIM NHÀN

Kế toán trưởng


CAO THỊ KIM NHÀN

Tp. Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022.

Tổng Giám đốc




LÊ CHÍ PHÚC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

1.3. Tổng số nhân viên và lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số nhân viên Công ty là 19 người (số đầu năm là 18 người).

1.4. Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Thị trường chứng khoán khởi sắc, dẫn đến hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty năm nay tăng so với năm trước.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kỳ kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

3.2. Cam kết kế toán

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: bao gồm Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.3. Các khoản phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

4.6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của các cổ đông;
- Thặng dư vốn cổ phần: Là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4.8. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh và lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi thu nhập đầu tư chứng khoán và tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.

▪ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.10. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	58.157.526	46.244.028
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.728.648.804	911.420.774
Cộng	1.786.806.330	957.664.802

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khoản đầu tư bị giảm giá/rủi ro (*)	43.502.707.933	-
- Khoản đầu tư không bị giảm giá/rủi ro	30.941.973.370	44.274.849.951
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(922.707.933)	-
Cộng	73.521.973.370	44.274.849.951

(*) Tình hình suy giảm giá trị danh mục đầu tư tại ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Số lượng (CP)	Giá trị đầu tư [1]	Giá trị thị trường [2]	Giá trị suy giảm [2]-[1]
Cổ phiếu niêm yết				
HPG	200.000	9.719.553.543	9.280.000.000	(439.553.543)
VHM	150.000	12.641.934.500	12.300.000.000	(341.934.500)
TCB	420.000	21.141.219.890	21.000.000.000	(141.219.890)
Cộng		43.502.707.933	42.580.000.000	(922.707.933)

5.3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

Là khoản phải thu tiền thương từ việc quản lý danh mục của bà Quách Thị Nga.

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trả trước tiền thuê văn phòng	110.813.880	32.281.375
Cộng	110.813.880	32.281.375

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng nhân viên(*)	7.597.775	5.647.308
Cộng	7.597.775	5.647.308

(*) Thời gian hoàn ứng, thu hồi còn lại: trên 90 ngày.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà The Terra, số 83 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.6. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	121.926.996	121.926.996
- Thanh lý trong năm	(121.926.996)	(121.926.996)
Số cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	121.926.996	121.926.996
- Thanh lý trong năm	(121.926.996)	(121.926.996)
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	390.269.401	69.740.417
- Chi phí trả trước dài hạn khác	48.948.286	25.987.500
Cộng	439.217.687	95.727.917

5.8. Tài sản sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký quỹ thuê văn phòng	172.761.562	155.061.562
- Ký quỹ thẻ taxi	32.000.000	32.000.000
Cộng	204.761.562	187.061.562

5.9. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả người bán về phí giao dịch chứng khoán	-	-
- Phải trả người bán khác	46.500.000	62.050.000
Cộng	46.500.000	62.050.000

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
-Thuế TNDN ^(*)	-	-	5.236.264.112	(2.561.150.430)	2.675.113.682	-
-Thuế TNCN	276.082.479	-	3.520.070.546	(950.915.032)	2.845.237.993	-
-Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	276.082.479	-	8.759.334.658	(3.515.065.462)	5.520.351.675	-

^(*) Thuế TNDN phải nộp trong năm xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.5 – Chi phí thuế TNDN hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà The Terra, số 83 Hòa Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.11. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của các nhà đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đã góp	Tỷ lệ %	Vốn đã góp	Tỷ lệ %
- Ông Trần Ngọc Diệp	32.030.000.000	45,76	32.030.000.000	45,76
- Ông Phan Anh Tuấn	9.610.000.000	13,73	9.610.000.000	13,73
- Ông Lê Chí Phúc	10.000.000.000	14,29	10.000.000.000	14,29
- Bà Lê Thị Anh	5.000.000.000	7,14	5.000.000.000	7,14
- Ông Nguyễn Cao Hữu Trí	4.950.000.000	7,07	4.950.000.000	7,07
- Ông Đặng Thành Tâm	2.060.000.000	2,94	2.060.000.000	2,94
- Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	1.350.000.000	1,93	1.350.000.000	1,93
- Ông Nguyễn Thanh Thái	5.000.000.000	7,14	5.000.000.000	7,14
Cộng	70.000.000.000	100,00	70.000.000.000	100,00

▪ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.12. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước

Bà Quách Thị Nga:	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.771.821.789	2.068.861.124
Tăng trong năm	44.600.368.440	183.029.036.183
- Bán chứng khoán	300.028.763.500	150.988.810.000
- Cổ tức	752.821.925	2.243.224.075
- Lãi tiền gửi	11.721.094	46.718.870
- Vay	70.864.175.191	29.750.183.639
Giảm trong năm	47.428.014.273	179.326.075.518
- Mua chứng khoán	281.244.011.384	147.822.269.730
- Phí quản lý danh mục	2.190.823.760	1.223.976.920
- Phí giao dịch chứng khoán	893.131.595	394.032.818
- Trả nợ vay	70.864.175.191	29.750.283.238
- Trả lãi vay	838.680.703	135.512.812
- Phí thưởng hoạt động	14.688.306.321	-
- Rút vốn ủy thác	-	-
Số dư cuối năm	6.710.174.545	5.771.821.789

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà The Terra, số 83 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty CP Dịch vụ Kinh Bắc:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	512.493.015.720	-
- Nhận ủy thác	512.490.000.000	-
- Lãi tiền gửi	3.015.720	-
Giảm trong năm	512.290.707.636	-
- Mua chứng khoán	511.440.000.000	-
- Phí quản lý danh mục	767.160.000	-
- Phí giao dịch chứng khoán	83.547.636	-
Số dư cuối năm	202.308.084	-

Công ty Công ty TNHH Covesconts:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	241.352.162.721	-
- Nhận ủy thác	100.000.000.000	-
- Bán chứng khoán	141.349.170.000	-
- Lãi tiền gửi	2.992.721	-
Giảm trong năm	205.123.311.557	-
- Mua chứng khoán	204.603.804.405	-
- Phí quản lý danh mục	352.777.778	-
- Phí giao dịch chứng khoán	166.729.374	-
Số dư cuối năm	36.228.851.164	-

5.13. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Số lượng (CP)	Giá trị đầu tư [1]	Giá trị thị trường [2]	Tăng/(Giảm) [2]-[1]
Cổ phiếu niêm yết				
KBC	15.000.000	511.440.000.000	912.000.000.000	400.560.000.000
HPG	930.000	41.203.770.482	43.152.000.000	1.948.229.518
MWG	190.000	21.694.956.827	25.821.000.000	4.126.043.173
VHM	260.000	21.125.641.000	21.320.000.000	194.359.000
TCB	350.000	17.133.414.150	17.500.000.000	366.585.850
PNJ	100.000	8.559.247.858	9.620.000.000	1.060.752.142
VNM	80.000	6.911.952.400	6.912.000.000	47.600
Cộng		628.068.982.717	1.036.325.000.000	408.256.017.283

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Số lượng (CP)	Giá trị đầu tư [1]	Giá trị thị trường [2]	Tăng/(Giảm) [2]-[1]
Cổ phiếu niêm yết				
ANV	865.000	18.185.744.181	21.538.500.000	3.352.755.819
PNJ	201.000	14.255.449.159	16.281.000.000	2.025.550.841
DXG	950.000	11.445.070.913	15.152.500.000	3.707.429.088
MWG	120.003	10.254.936.387	14.268.356.700	4.013.420.313
HPG	300.000	6.771.615.300	12.435.000.000	5.663.384.700
VCS	50.000	4.388.000.895	4.360.000.000	(28.000.895)
Cộng		65.300.816.835	84.035.356.700	18.734.539.865

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	3.992.108.779	1.223.972.520
- Doanh thu từ phí thường hoạt động	20.372.585.138	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	75.000.000	-
Cộng	24.439.693.917	1.223.972.520

6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	6.266.716	26.060.265
- Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	32.415.478.102	13.802.305.249
- Cổ tức được chia	533.628.000	1.205.452.000
- Doanh thu tài chính khác	-	531.409
Cộng	32.955.372.818	15.034.348.923

6.3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.972.543.133	2.950.965.795
- Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư	922.707.933	(296.277.650)
- Chi phí tài chính khác	569.673.683	201.180.631
Cộng	3.464.924.749	2.855.868.776

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	15.835.416.331	6.329.433.722
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	114.351.098	34.545.311
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	152.056.061	122.858.954
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác	1.932.483.956	1.724.345.158
Cộng	18.037.307.446	8.214.183.145

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà The Terra, số 83 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.894.153.979	5.189.769.522
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.707.814.719	301.653.712
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	7.707.814.719	301.653.712
- Các khoản điều chỉnh giảm	(533.628.000)	(1.205.452.000)
+ Cổ tức được chia	(533.628.000)	(1.205.452.000)
Thu nhập chịu thuế	43.068.340.698	4.285.971.234
Chuyển lỗ những năm trước ^(*)	(16.887.020.139)	(4.285.971.234)
Thu nhập tính thuế	26.181.320.559	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập tính thuế trong kỳ	5.236.264.112	-
Thuế TNDN phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.236.264.112	-

^(*) Chi tiết chuyển lỗ những năm trước vào Thu nhập tính thuế trong năm nay như sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển các năm trước	Số lỗ chuyển trong năm nay	Số lỗ còn được chuyển các năm sau
2018	18.054.997.214	4.285.971.234	13.769.025.980	-
2019	3.117.994.159	-	3.117.994.159	-
Cộng	21.172.991.373	4.285.971.234	16.887.020.139	-

6.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.657.889.867	5.189.769.522
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.657.889.867	5.189.769.522
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	7.000.000	6.446.575
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	4.380	805

6.7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.657.889.867	5.189.769.522
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	30.657.889.867	5.189.769.522
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	7.000.000	6.446.575
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	4.380	805

7. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VNĐ)

7.1 Tiền lương và tiền thưởng của các thành viên chủ chốt (các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc) của Công ty

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng	3.910.000.000	1.022.200.000
Nguyễn Cao Hữu Trí (Chủ tịch HĐQT)	-	-
Nguyễn Sơn (Thành viên HĐQT)	-	-
Lê Chí Phúc (Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc)	3.910.000.000	1.022.200.000
Thù lao	-	-
Cổ tức	-	-
Cộng	3.910.000.000	1.022.200.000

7.2 Thông tin báo cáo bộ phận

▪ Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty chủ yếu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán.

▪ Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

7.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

7.3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường đối với hoạt động của Công ty bao gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của công ty ảnh hưởng không đáng kể do Công ty chủ yếu gửi tiền có kỳ hạn lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không nắm giữ các công cụ vốn nào, vì vậy Công ty không bị ảnh hưởng của rủi ro về giá công cụ này.

7.3.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước tiền đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7.3.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc Ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho khách hàng của Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty theo các hợp đồng thuê đất và nhà xưởng đã ký kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà The Terra, số 83 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	46.500.000		46.500.000
Cộng	46.500.000		46.500.000
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	62.050.000	-	62.050.000
Cộng	62.050.000	-	62.050.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7.4 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị ghi sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của cả khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ.

Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà The Terra, số 83 Hà Nội, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.786.806.330	-	957.664.802	-	1.786.806.330	957.664.802
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	74.444.681.303	(922.707.933)	44.274.849.951	-	73.521.973.370	44.274.849.951
Phải thu của khách hàng	-	-	-	-	-	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.896.047.435	-	-	-	5.896.047.435	-
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	82.127.535.068	(922.707.933)	45.232.514.753	-	81.204.827.135	45.232.514.753
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	46.500.000	-	62.050.000	-	46.500.000	62.050.000
Các khoản phải trả khác	383.580.000	-	8.260.000	-	383.580.000	8.260.000
Cộng	430.080.000		70.310.000		430.080.000	70.310.000

7.5 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7.6 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022.

Người lập biểu


CAO THỊ KIM NHẠN

Kế toán trưởng


CAO THỊ KIM NHẠN

Tổng Giám đốc

**LÊ CHÍ PHÚC**